

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2017/DS-PT
Ngày 23-8-2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản và góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Mai.

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Đồng;
Bà Nguyễn Thị Thúy Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hòa, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Sự, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2017/TLPT-DS ngày 13 tháng 7 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 20/2017/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 126/2017/QĐ-PT ngày 27 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị Lệ T, sinh năm 1972; cư trú tại: Số T1, tổ T2, ấp T3, xã T4, huyện T5, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; cư trú tại: Số nhà H1, đường số H2, tổ H3, ấp T3, xã T4, huyện T5, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Phước P, sinh năm 1966; cùng địa chỉ cư trú với bà H, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông P: Bà Nguyễn Thị H (vợ ông P) (văn bản ủy quyền ngày 23-3-2017).

- *Người kháng cáo:* Bà Đoàn Thị Lệ T là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 02 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Đoàn Thị Lệ T trình bày:

Bà yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Phước P trả lại cho bà tổng cộng số tiền 75.215.000 đồng, trong đó tiền hụi là 45.300.000 đồng và tiền vay là 29.915.000 đồng. Cụ thể như sau:

1. Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 10-3-2013, hụi gồm 24 phần, bà H tham gia 01 phần. Đến lần thứ 5 ngày 10-7-2013 bà H hốt với số tiền 31.700.000 đồng, sau đó bà H đóng hụi chết được 14 lần, còn nợ lại 05 lần hụi chết với số tiền là 10.000.000 đồng.

2. Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, mở ngày 06-4-2014 âm lịch (viết tắt AI), hụi gồm 25 phần, bà H tham gia 01 phần. Đến lần thứ 2 ngày 06-5-2014 bà H hốt với số tiền 15.760.000 đồng, sau đó bà H đóng hụi chết được 03 lần, còn nợ lại 20 lần hụi chết với số tiền là 20.000.000 đồng.

3. Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, mở ngày 06-4-2014 (AI), hụi gồm 25 phần, bà H tham gia 01 phần. Đến lần thứ 2 ngày 06-5-2014 bà H hốt với số tiền 15.760.000 đồng, sau đó bà H đóng hụi chết được 03 lần, còn nợ lại 20 lần hụi chết với số tiền là 20.000.000 đồng.

Tổng cộng tiền nợ hụi là 50.000.000 đồng. Trong năm 2015 bà H trả tổng cộng 2.300.000 đồng (ngày 20-6-2015 trả 500.000 đồng, ngày 30-8-2015 trả 500.000 đồng, ngày 10-10-2015 trả 500.000 đồng, ngày 30-12-2015 trả 800.000 đồng). Đến ngày 28-02-2016 hai bên làm giấy gút nợ là 47.700.000 đồng, trong năm 2016 bà H trả tổng cộng 2.400.000 đồng (ngày 11-4-2016 trả 500.000 đồng, ngày 29-6-2016 trả 500.000 đồng, ngày 06-7-2016 trả 500.000 đồng, ngày 25-10-2016 trả 300.000 đồng, ngày 06-11-2016 trả 300.000 đồng, ngày 14-12-2016 trả 300.000 đồng). Như vậy còn nợ lại tiền hụi 45.300.000 đồng.

Ngoài ra bà H còn vay của bà nhiều lần cụ thể: Ngày 05-4-2013 vay 9.000.000 đồng, ngày 07-6-2013 vay 6.000.000 đồng, ngày 09-10-2013 vay 4.000.000 đồng, ngày 20-3-2014 vay 5.915.000 đồng. Tổng cộng tiền vay là 29.915.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 13-3-2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà chỉ đồng ý trả cho bà T tiền hụi là 12.980.000 đồng. Bà không có vay tiền của bà T nên không đồng ý trả.

Bà thừa nhận có tham gia các dây hụi như bà T trình bày. Tuy nhiên, đối với dây hụi tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 10-3-2013, bà đã đóng hụi chết đầy đủ không còn nợ; 02 dây hụi tháng 1.000.000 đồng ngày 06-4-2014 (AI), bà đã đóng hụi chết được 10 lần, còn nợ lại 15 lần hụi chết với số tiền 30.000.000 đồng.

Đến tháng 10/2014 bà vỡ nợ phải đi làm ở xa và có trả nhiều lần cho bà T. Đến ngày 28-02-2016 bà có làm giấy gút nợ hụi 47.700.000 đồng, bà vẫn tiếp tục trả nhiều lần cho bà T nhưng cụ thể từng lần trả bao nhiêu tiền và vào ngày tháng năm nào bà không nhớ bà chỉ cung cấp được giấy trả tổng cộng 3.200.000 đồng.

Tuy nhiên, theo bà số tiền mà bà đã trả bằng với số tiền mà bà nợ tiền hụi nợ bà T. Do đó hiện tại bà không còn nợ tiền hụi bà T và nếu như còn thiếu thì chỉ thiếu khoảng 16.180.000 đồng. Tại phiên tòa bà cung cấp giấy trả tiền cho bà T tổng cộng 31.520.000 đồng, do đó bà chỉ còn nợ lại bà T tiền hụi là 12.980.000 đồng.

Đối với số tiền vay bà không vay tiền của bà T, còn giấy mượn tiền do bà T cung cấp bản chất là giấy hụi không phải giấy mượn tiền. Do đó bà không nợ tiền vay của bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phước P và người đại diện theo ủy quyền của ông P là bà Nguyễn Thị H: Thống nhất với lời trình bày của bà H.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 20/2017/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ Điều 474 và 479 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 147 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” của bà Đoàn Thị Lệ T đối với bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Phước P.

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Phước P có nghĩa vụ trả cho bà Đoàn Thị Lệ T số tiền 45.300.000 đồng (bốn mươi lăm triệu ba trăm nghìn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” của bà Đoàn Thị Lệ T đối với bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Phước P đối với số tiền 29.915.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 12-6-2017, nguyên đơn bà Đoàn Thị Lệ T có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, buộc bà H, ông P phải trả cho bà số tiền 75.215.000 đồng.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bà T thấy rằng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T có nhiều lời khai mâu thuẫn với nhau, khi thì xác định toàn bộ số tiền 29.915.000 đồng là nợ vay, khi thì xác định có tiền nợ vay và nợ hụi bà H còn nợ năm 2013 nhưng bà không nhớ đây hụi nào, bao nhiêu hụi viên và cũng không cung cấp được chứng từ chứng minh số tiền hụi bà H còn nợ trong số tiền vay này. Bà T cung cấp chứng cứ là “Giấy thiếu tiền mượn” không ghi ngày tháng năm và thừa nhận nội dung do bà T viết, có chữ ký của bà T và bà H, trong đó thể hiện số tiền nợ là 29.915.000 đồng. Tuy nhiên, văn bản này có sự chỉnh sửa từ “*tiền hụi*” thành “*tiền mượn*”, việc chỉnh sửa từ ngữ này đã làm thay đổi toàn bộ nội dung văn bản, bản chất của giao dịch; mặt khác, bà T thừa nhận bà là người chỉnh sửa đồng thời bà T cũng xác nhận văn bản này được lập vào năm 2013, nghĩa là trong khoảng thời gian bà H tham gia hụi với bà T. Ngoài chứng cứ này, bà T không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh bà H có vay số tiền trên. Bà H không thừa nhận có vay tiền của bà T, chứng cứ duy nhất bà T cung cấp lại có sự chỉnh sửa nên không có giá trị chứng minh. Mặt khác, xét thấy trong quá trình giao dịch hụi, bà T có đăng hụi nhiều lần cho trong khoảng thời gian sau năm 2013, bà H cho rằng bà T còn nợ tiền vay nhưng lại không khấu trừ vào tiền hụi bà H được hốt là không hợp lý và đến ngày 28-02-2016 khi hai bên gút nợ, bà H viết giấy nợ cho bà T cũng không thể hiện số tiền vay còn nợ. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện số tiền 29.915.000 đồng của bà T là có cơ sở, đúng pháp luật.

[2] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Đoàn Thị Lệ T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Do kháng cáo của bà T không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 474, 476, 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 362/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Đoàn Thị Lệ T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” của bà Đoàn Thị Lệ T đối với bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Phước P.

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Phước P có nghĩa vụ trả cho bà Đoàn Thị Lệ T số tiền 45.300.000 đồng (bốn mươi lăm triệu ba trăm nghìn đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của bà Đoàn Thị Lệ T đối với bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Phước P đối với số tiền 29.915.000 đồng.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Phước P phải chịu 2.265.000 đồng (hai triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đoàn Thị Lệ T phải chịu 1.496.000 đồng (một triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.880.375 đồng tại Biên lai thu số 0011799 ngày 27-02-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, bà Đoàn Thị Lệ T được nhận lại số tiền 384.375 đồng.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đoàn Thị Lệ T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu số 0012229 ngày 12-6-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; ghi nhận đã nộp xong.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Gò Dầu;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Thị Hồng Mai